UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 313 /BC-UBND	*Đại Đồng, ngày 23 tháng 6 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện công văn số 1699/SGDĐT-VP ngày 30/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên về việc tổng kết năm học, đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Uỷ ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng báo cáo như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Quy mô mạng lưới trường, lớp học

- Công lập: Tổng số có 08 trường/181 lớp/6425 học sinh. Trong đó:

+ Mầm non: 03 trường/59 nhóm, lớp/nhóm/1426 trẻ;

+ Tiểu học: 02 trường/50 lớp/1869 học sinh;

+ THCS: 02 trường/34 lớp/1527 học sinh;

+ TH&THCS: 01 trường/38 lớp/1603 học sinh (tiểu học 22 lớp/867 học sinh, THCS 16 lớp/736 học sinh).

- Ngoài công lập: 01 trường mầm non và 03 cơ sở mầm non với tổng số 17 nhóm, lớp/230 trẻ.

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (tính đến hết tháng 31/5/2026).

- Công lập: Tổng số có 290 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học. Trong đó,

+ Mầm non: 09 cán bộ quản lý; 92 giáo viên; 02 nhân viên.

+ Tiểu học: 05 cán bộ quản lý; 86 giáo viên; 03 nhân viên.

+ THCS: 05 cán bộ quản lý; 82 giáo viên; 6 nhân viên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2025-2026

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới quản trị nhà trường.

1.1. Việc xây dựng và ban hành các văn bản của UBND xã, phường về lĩnh vực giáo dục trong năm học 2025-2026; Về tổ chức thực hiện các văn bản

quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thuộc thẩm quyền ban hành của của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Sở GDĐT

- Việc xây dựng và ban hành các văn bản của UBND xã, phường về lĩnh vực giáo dục trong năm học 2025-2026: Đánh giá về thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, đề xuất của từng văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của UBND xã, phường; tác động của các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của UBND xã, phường tới việc điều hành, quản lý:

Căn cứ tình hình thực tế địa phương, trong năm học 2025-2026, UBND xã Đại Đồng đã kịp thời ban hành các văn bản điều hành các văn bản như sau:

+ Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 08/10/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2025-2026;

+ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 28/8/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc Thực hiện công tác Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ trên địa bàn xã Đại Đồng năm 2025;

+ Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 10/02/2026 về việc Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn xã Đại Đồng;

+ Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 01/10/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng năm học 2025-2026;

+ Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 01/10/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc thực hiện nhiệm vụ công tác học sinh năm học 2025-2026;

+ Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 29/10/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc Thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026;

+ Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 03/12/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc kiểm tra công tác dạy thêm học thêm trong và ngoài nhà trường trên địa bàn xã Đại Đồng;

+ Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 03/3/2026 về việc Thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

+ Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 03/3/2026 về việc Thực hiện Nghị quyết 248/2025/QH-15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 19/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 248/2025/QH15 trên địa bàn xã Đại Đồng;

+ Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 12/5/2026 về việc Triển khai Phong trào thi đua "Toàn ngành Giáo dục thi đua đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước" giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn xã Đại Đồng;....

- Thuận lợi: Các văn bản ban hành đúng thẩm quyền, bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và chỉ đạo của Sở Giáo dục và

Đào tạo, có sự phối hợp đồng bộ giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể địa phương.

- Tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thuộc thẩm quyền ban hành của của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Sở GDĐT.

+ UBND xã đã nghiêm túc tiếp thu, tổ chức triển khai kịp thời, đầy đủ 100% các văn bản chỉ đạo của tỉnh. Trọng tâm là thực hiện các quy định của HĐND tỉnh Hưng Yên về mức thu học phí, quy định về các khoản thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục (tránh tình trạng lạm thu), và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT về nâng cao chất lượng dạy học Chương trình GDPT 2018.

+ Các cơ chế chính sách, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách trên địa bàn được thực hiện công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tạo tâm lý an tâm trong nhân dân.

1.2. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường; đẩy mạnh thực hiện tự chủ trong các cơ sở giáo dục

- Kết quả đạt được

+ Đổi mới quản trị: Các trường học trên địa bàn đã chuyển đổi mạnh mẽ từ "quản lý" sang "quản trị" trường học. Đẩy mạnh dân chủ hóa, tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Công tác chuyển đổi số được thực hiện quyết liệt theo chỉ đạo của Sở: 100% các trường sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, thực hiện tuyển sinh đầu cấp trực tuyến và thanh toán học phí không dùng tiền mặt (đạt tỷ lệ cao).

+ Thực hiện tự chủ: 100% các trường chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên hiện có. Các trường đã thực hiện quyền tự chủ trong việc phân phối chương trình, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực.

+ Phát huy vai trò Hội đồng trường: Hội đồng trường tại các nhà trường hoạt động đúng quy chế, thực hiện tốt chức năng quyết nghị các mục tiêu, chiến lược phát triển và giám sát toàn diện các hoạt động của Ban giám hiệu.

- Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất tại một số trường hiệu quả chưa cao, chưa huy động được nhiều nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách.

2. Kết quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

2.1. Giáo dục mầm non

a) Kết quả đạt được:

- Công tác duy trì và nâng cao tỷ lệ huy động trẻ đến trường:

+ *Tỷ lệ huy động:* Trẻ độ tuổi nhà trẻ đạt 56% (đảm bảo vượt/đạt chỉ tiêu giao); trẻ độ tuổi mẫu giáo đạt 99%, riêng trẻ em 5 tuổi ra lớp đạt 100%, duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

+ *Chế độ học tập và bán trú:* 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày theo Chương trình giáo dục mầm non sửa đổi. Tỷ lệ trẻ ăn bán trú tại trường đạt 100% đối với cả khối nhà trẻ và mẫu giáo công lập.

+ *Chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng:* 100% trẻ được cân, đo, khám sức khỏe định kỳ và vẽ biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm học. Nhờ kiểm soát tốt thực đơn và nguồn thực phẩm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân và thấp còi) giảm xuống dưới 2%; tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì được kiểm soát tốt, ở mức dưới 1%.

- Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo đảm an toàn cho trẻ:

+ *Bảo đảm an toàn:* Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Trạm y tế xã/phường kiểm tra nghiêm ngặt an toàn vệ sinh thực phẩm tại bếp ăn bán trú. Trong năm học, toàn xã không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm hay tai nạn thương tích nào gây mất an toàn cho trẻ.

+ *Chất lượng giáo dục:* Thực hiện hiệu quả chuyên đề *"Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm"*. Trẻ 5 tuổi được chuẩn bị tâm thế tốt, sẵn sàng các kỹ năng cần thiết để vào lớp 1.

Công tác quản lý nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục:

- UBND xã tiến hành 03 đợt kiểm tra đối với các nhóm trẻ, lớp độc lập tư thục trên địa bàn.

- Kịp thời hướng dẫn các cơ sở hoàn thiện hồ sơ cấp phép, kiểm tra bằng cấp chuyên môn của chủ quản lý và bảo mẫu. 100% cơ sở lắp đặt camera giám sát kết nối với cha mẹ trẻ và ký cam kết đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Tồn tại, hạn chế:

- Một số đồ dùng, đồ chơi tại các trường đã xuống cấp, diện tích sân chơi đồ chơi ngoài trời cho trẻ còn hạn chế, chưa đồng bộ.

- Một số nhóm trẻ độc lập tư thục quy mô nhỏ vẫn còn hiện tượng biến động giáo viên thường xuyên, ảnh hưởng đến nếp sinh hoạt cố định của trẻ.

Nguyên nhân:

- Do ngân sách cấp xã và nguồn xã hội hóa còn hạn hẹp, chưa đủ kinh phí đầu tư xây dựng tập trung các phòng chức năng cho khối mầm non. Định mức biên chế giáo viên mầm non công lập được giao còn thiếu so với số trẻ, dẫn đến áp lực lớn cho giáo viên đứng lớp (thường phải làm việc từ 10-11 tiếng/ngày).

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho một bộ phận cha mẹ trẻ về tầm quan trọng của việc cho trẻ đi học nhà trẻ sớm còn chưa sâu rộng.

2.2. Giáo dục Tiểu học

a) Kết quả đạt được:

- Kết quả thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT 2018):

+ *Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục:* 100% các trường tiểu học trên địa bàn đã ổn định và tổ chức giảng dạy có hiệu quả Chương trình GDPT 2018 từ lớp 1 đến lớp 5. Tích hợp nhuần nhuyễn nội dung Giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên vào các môn học và Hoạt động trải nghiệm, giúp học sinh hiểu biết sâu sắc về lịch sử, văn hóa truyền thống của quê hương.

+ *Phương pháp dạy học và đánh giá:* Chuyển đổi mạnh mẽ từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Giáo viên áp dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học tích cực (bản đồ tư duy, học theo dự án). Công tác đánh giá định kỳ và thường xuyên thực hiện nghiêm túc theo Thông tư 27/2020/BGDĐT, coi trọng việc nhận xét tiến bộ của học sinh để kịp thời điều chỉnh phương pháp dạy.

+ *Giáo dục hòa nhập và hoàn cảnh khó khăn:* Thực hiện tốt công tác rà soát, lập hồ sơ quản lý và tổ chức giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhẹ trên địa bàn. Các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân riêng, phân công giáo viên hỗ trợ tối đa, không để học sinh nào bị bỏ lại phía sau. Địa phương duy trì nề nếp lớp học linh hoạt, không phát sinh lớp ghép nhờ mạng lưới trường lớp thuận tiện.

- Bảo đảm an toàn và Hoạt động giáo dục toàn diện:

+ *An toàn trường học:* 100% trường học đạt tiêu chuẩn "Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích". Tổ chức tốt các buổi tuyên truyền về an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường và kỹ năng phòng chống đuối nước cho học sinh.

+ *Hoạt động tập thể, trải nghiệm:* Tổ chức đa dạng các hoạt động ngoài giờ lên lớp gắn liền với văn hóa truyền thống Hưng Yên (giao lưu trò chơi dân gian, tìm hiểu di tích lịch sử địa phương).

+ *Phát triển thư viện:* Thư viện các nhà trường được đầu tư theo mô hình "Thư viện thân thiện", đáp ứng đầy đủ nguồn học liệu phong phú và sắp xếp khoa học, thúc đẩy văn hóa đọc phát triển mạnh mẽ theo định hướng tiếp cận năng lực.

- Điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục:

+ *Đội ngũ:* Tổng số cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học trên địa bàn là 91 đồng chí. 98% cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 (đạt trình độ Cử nhân trở lên). Cơ cấu giáo viên cơ bản đáp ứng đủ các môn đặc thù (Tiếng Anh, Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc).

+ *Cơ sở vật chất, thiết bị:* Hệ thống phòng học được xây kiên cố, phòng máy tính, phòng ngoại ngữ và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo danh mục quy định của Bộ GDĐT.

- Chuyển đổi số, Học bạ số và Kỹ năng công dân số:

+ Thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả đề án triển khai Học bạ số của Sở GDĐT Hưng Yên; 100% học sinh tiểu học trên địa bàn đã được khởi tạo và số hóa học bạ thành công, ký số đúng quy trình pháp lý.

+ Tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào môn Tin học và các hoạt động trải nghiệm giúp học sinh bước đầu hình thành tư duy công nghệ, sử dụng internet an toàn và đúng quy định.

+ **Công tác kiểm tra, giám sát tại địa phương:**

+ UBND xã chỉ đạo các trường thực hiện nghiêm túc việc công khai các khoản thu đầu năm học, việc tổ chức ăn bán trú và công tác phối hợp giáo dục giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các nguy cơ gây mất an toàn hoặc các biểu hiện lệch chuẩn trong môi trường sư phạm.

2.3. Giáo dục Trung học

a) Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục trung học

- Đánh giá về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về số lượng, cơ cấu, chất lượng:

+ *Số lượng, cơ cấu:* Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cơ bản đáp ứng được quy mô phát triển trường, lớp. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên ở một số môn học khi triển khai Chương trình GDPT 2018.

+ *Chất lượng:* đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019 đạt tỷ lệ cao (tỷ lệ đạt chuẩn bậc THCS đạt trên 93%), 100% CBQL và giáo viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng các mô-đun triển khai Chương trình GDPT 2018 do Sở GDĐT Hưng Yên tổ chức.

- **Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu:**

+ S*ố phòng học bộ môn theo từng môn học/nhóm môn học:* Hệ thống phòng học bộ môn dành cho các môn học và nhóm môn học (như Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ,...) tại các cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn cơ bản được quan tâm đầu tư, bố trí đầy đủ theo quy định. Tỷ lệ phòng học bộ môn đạt chuẩn và chuẩn hóa được duy trì ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và thực hành của học sinh.

+ *Đánh giá kết quả tăng cường thiết bị dạy học, học liệu trong năm học 2025-2026:* Trong năm học, ngành Giáo dục đã tích cực tham mưu với chính quyền địa phương triển khai công tác mua sắm bổ sung, sửa chữa và nâng cấp các thiết bị dạy học tối thiểu cho các khối lớp. Công tác phát triển học liệu điện tử, kho bài giảng số được các nhà trường chú trọng, khuyến khích giáo viên tích cực xây dựng, đóng góp và chia sẻ nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy.

+ *So sánh, đối chiếu với quy định của Bộ GDĐT:* Nhìn chung, việc đầu tư cơ sở vật chất và trang bị thiết bị dạy học trên địa bàn đảm bảo tính đồng bộ, bám sát các thông tư quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kịp thời phục vụ cho việc đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- **Đánh giá mức độ chuyển đổi số trong dạy học và quản lí giáo dục:**

+ 100% các trường trung học đã sử dụng học bạ điện tử, sổ điểm điện tử và phần mềm quản lý trường học (gồm quản lý cán bộ, quản lý học sinh).

+ Hoạt động dạy học có bước chuyển biến lớn: Giáo viên sử dụng thành thạo các ứng dụng CNTT, dạy học kết hợp (blended learning), khai thác tốt kho học liệu số của ngành.

b) Tổ chức xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

Thực trạng và kết quả: 100% các cơ sở giáo dục đã xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường, chủ động, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế. Các môn học tích hợp (KHTN, Lịch sử và Địa lý), nội dung giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp được đưa vào thời khóa biểu và triển khai đồng bộ.

c) Đánh giá về tình hình thực hiện đổi mới phương pháp dạy học

- Thực trạng: Giáo viên đã chuyển từ phương pháp truyền thụ áp đặt sang tổ chức các hoạt động học tập chủ động cho học sinh. Vận dụng hiệu quả các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực (dạy học dự án, giải quyết vấn đề, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn...).

- **Kết quả:** Học sinh được tự lực chiếm lĩnh kiến thức thông qua các hoạt động thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm. Các hoạt động vận dụng kiến thức vào thực tiễn được đẩy mạnh (ví dụ: các sản phẩm STEM, ứng dụng kiến thức sinh học, hóa học vào đời sống sinh hoạt tại địa phương)

d) Đánh giá về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Quy chế

- Việc thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ và thường xuyên tuân thủ nghiêm túc các thông tư của Bộ GDĐT (Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT đối với các khối lớp thực hiện Chương trình GDPT 2018).

- Đánh giá học sinh đã đi vào thực chất, kết hợp hài hòa giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số. Đề kiểm tra định kỳ được xây dựng theo ma trận, đặc tả đảm bảo các mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao).

e) Công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh

- Số liệu thống kê:

+ Số trường có chương trình GD hướng nghiệp gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương: 0

+ Số trường có giáo viên kiêm nhiệm tư vấn hướng nghiệp được bồi dưỡng, tập huấn: 3 trường.

+ Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở GD nghề nghiệp (sơ cấp, trung cấp): không có.

Đánh giá kết quả thực hiện: Hình thức giáo dục hướng nghiệp đã đa dạng hơn, không còn lý thuyết suông mà kết hợp tham quan thực tế tại các làng nghề

truyền thống của Hưng Yên hoặc các khu công nghiệp trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với các trường trung cấp nghề để tư vấn trực tiếp cho học sinh khối 9.

f) Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm (DTHT)

Báo cáo tình hình tổ chức trong nhà trường: Các trường thực hiện nghiêm túc quy định về DTHT theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Sở GDĐT Hưng Yên, UBND xã.

g) Đánh giá về việc thực hiện kiểm tra tại địa phương

- Kết quả đạt được: UBND xã đã tổ chức các đợt kiểm tra tại 100% các trường THCS trên địa bàn về công tac sthực hiện nề nếp, an toàn trường học, công tác thi khảo sát,... Qua kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh các sai sót về hồ sơ sổ sách, thực hiện quy chế chuyên môn và quản lý DTHT.

- **Hạn chế, khó khăn, vướng mắc:** Chuyên viên phụ trách công tác giáo dục tại Phòng Văn hóa Xã hội chỉ có 01 người, lực lượng còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều đầu việc nên việc theo sát, hậu kiểm sau thanh tra ở một số cơ sở giáo dục chưa thực sự triệt để.

Nguyên nhân: Khối lượng công việc hành chính lớn.

h) Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

- Tham gia Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 THCS cấp tỉnh năm học 2025-2026 đạt 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba, 07 giải khuyến khích;

- Tham gia giải điền kinh học sinh phổ thông tỉnh Hưng Yên năm học 2025-2026 đạt 02 huy chương vàng, 05 huy chương bạc, 07 huy chương đồng.

- Tham gia cuộc thi học sinh phổ thông với ý tưởng khởi nghiệp đạt giải ba và giải gian hàng xuất sắc nhất.

- Sân chơi trên mạng Vioedu, IOE, TNTV đạt 32 giải vàng, 51 giải bạc, 42 giải đồng.

- Giải nhất cuộc thi hướng dẫn viên du lịch tỉnh Hưng Yên.

- Giải nhất cấp tỉnh cuộc thi gia đình đọc sách, giải ba cuộc thi vẽ tranh cấp tỉnh, giải ba cấp tỉnh cuộc thi ham đọc sách, 02 giải khuyến khích quốc gia cuộc thi ham đọc sách, ...

2.4 Giáo dục thường xuyên

- Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước: Quán triệt nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Phong trào "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập" tại xã Đại Đồng được triển khai sâu rộng đến 100% các thôn.

- Xóa mù chữ: Duy trì vững chắc kết quả xóa mù chữ mức độ 2. Tổ chức rà soát, kiểm tra thường xuyên các đối tượng trong độ tuổi, đảm bảo không có tình trạng tái mù chữ.

Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ): Phối hợp tốt với các đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ) tổ chức các lớp chuyên đề về kỹ năng sống, phổ biến pháp luật, chuyển đổi cây trồng vật nuôi và chuyển đổi số cho người dân, thu hút hơn 1.200 lượt người tham gia. UBND xã Đại Đồng được công nhận TTHTCĐ mức độ 2.

2.5. Phát triển các phương thức giáo dục hòa nhập, chuyên biệt và bán chuyên biệt

- Kết quả đạt được: trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn xã trong độ tuổi đi học đều được tạo điều kiện nhập học và tham gia giáo dục hòa nhập tại các trường trên địa bàn xã

- Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Số lượng giáo viên được đào tạo chuyên sâu về kỹ năng dạy trẻ tự kỷ, trẻ khuyết tật còn thiếu. Kinh phí mua sắm trang thiết bị hỗ trợ chuyên biệt còn hạn chế do ngân sách địa phương phải ưu tiên nhiều hạng mục hạ tầng.

2.6. Kết quả hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a. Kết quả đạt được:

- *Công tác kiểm định chất lượng, tự đánh giá:* 100% các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã hoàn thành đúng tiến độ báo cáo tự đánh giá hàng năm, lưu trữ minh chứng khoa học.

- *Trường chuẩn quốc gia:* Đến cuối năm học 2025-2026, toàn xã có 8/8 trường đạt chuẩn quốc gia. Trong đó: 01/8 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; 7/8 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

3. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp

3.1. Báo cáo số lượng chỉ tiêu biên chế và số lượng giáo viên hiện có

a. Kết quả đạt được: Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) khối công lập trên địa bàn xã là 290 đồng chí. Nhìn chung, số lượng cơ bản đáp ứng tỷ lệ số học sinh/lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. UBND xã phối hợp với Sở GD&ĐT huyện thực hiện linh hoạt việc điều tiết, biệt phái giáo viên giữa các cấp học để giải quyết bài toán thừa thiếu cục bộ môn đặc thù (Tiếng Anh, Tin học, Nghệ thuật).

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Do áp lực tăng học sinh ở bậc tiểu học, tình trạng thiếu giáo viên văn hóa ở cấp tiểu học vẫn xảy ra vào một số thời điểm (giáo viên nghỉ thai sản, ốm đau). Cơ chế tuyển dụng biên chế còn độ trễ so với thực tế phát triển trường lớp.

3.2. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thực hiện CT GDPT 2018

a. Kết quả đạt được: 97% cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 (trong đó trên chuẩn đạt 29%). Giáo viên cấp Tiểu học và THCS tham gia đầy đủ các lớp tập huấn modul triển khai Chương trình GDPT 2018. Tinh thần trách nhiệm, đạo đức nhà giáo được giữ vững, không có trường hợp vi phạm quy chế chuyên môn hay đạo đức nghề nghiệp.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Một bộ phận nhỏ giáo viên lớn tuổi còn chậm thích ứng trong việc đổi mới phương pháp dạy học kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh.

4. Việc bố trí, phân bổ ngân sách nhà nước và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

4.1. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện CT GDPT 2018

a. Kết quả đạt được: UBND xã đã ưu tiên bố trí nguồn ngân sách địa phương cải tạo, sửa chữa hệ thống phòng học, phòng chức năng. Mua sắm bổ sung danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cho các khối lớp triển khai chương trình mới (Lớp 1, 2, 3, 4, 5 ở Tiểu học và Lớp 6, 7, 8, 9 ở THCS).

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Hệ thống phòng máy tính tại trường THCS một số máy đã cũ, cấu hình thấp, chưa đáp ứng mượt mà các phần mềm tin học ứng dụng mới

4.2. Việc huy động và quản lý các nguồn lực hợp pháp (Xã hội hóa)

Kết quả đạt được: Thực hiện nghiêm túc các quy định về tài chính, công khai minh bạch.

5. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh

5.1. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng đối với CB, CC, VC, NLĐ

a. Kết quả đạt được: 100% cán bộ, giáo viên tham gia lớp học tập Nghị quyết của Đảng. Duy trì nền nếp sinh hoạt chi bộ, gắn đánh giá chuyên môn với việc nêu gương đạo đức. Mỗi thầy cô giáo thực sự là tấm gương tự học và sáng tạo cho học sinh noi theo.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Hình thức sinh hoạt chính trị tư tưởng đôi khi còn mang tính lồng ghép, chưa có nhiều buổi tọa đàm chuyên đề chuyên sâu.

5.2. Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, văn hóa học đường

a. Kết quả đạt được: Triển khai hiệu quả việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". 100% các trường thực hiện tốt quy tắc ứng xử văn hóa học đường. Tích cực giáo dục kỹ năng sống, phòng chống bạo lực học đường thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, hoạt động ngoại khóa.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Sự phối hợp quản lý học sinh giữa "Nhà trường - Gia đình - Xã hội" ở một vài thời điểm chưa chặt chẽ, đặc biệt là nhóm học sinh có bố mẹ đi làm ca kíp tại khu công nghiệp.

5.3. Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP-AN)

a. Kết quả đạt được: các trường thực hiện nghiêm túc nội dung giáo dục lồng ghép QP-AN trong các môn học Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lý. Tổ chức các hoạt động về nguồn, thăm nghĩa trang liệt sĩ địa phương nhân ngày 22/12.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Nội dung trực quan, hình ảnh minh họa cho các bài giảng lồng ghép QP-AN còn đơn điệu.

6. Công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; bảo đảm an toàn trường học

6.1. Triển khai công tác giáo dục thể chất và các hoạt động thể thao

a. Kết quả đạt được: Đảm bảo 100% chương trình chính khóa môn Thể dục. Tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng cấp trường, lựa chọn tuyển thủ tham gia cấp huyện đạt nhiều giải cao (Cờ vua, Điền kinh).

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Sân chơi, bãi tập của học sinh tuy đạt chuẩn nhưng chưa có nhà đa năng che mưa nắng phục vụ riêng cho các hoạt động thể thao khi thời tiết xấu.

6.2. Triển khai công tác y tế trường học, phòng chống dịch bệnh và an toàn trường học

a. Kết quả đạt được: 100% các trường có tủ thuốc y tế học đường cơ bản, có nhân viên y tế (hoặc giáo viên kiêm nhiệm) quản lý. Phối hợp Trạm Y tế xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, tiêm chủng đầy đủ theo kế hoạch. Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại bếp ăn bán trú trường Mầm non và Tiểu học, không xảy ra ngộ độc.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Nhân viên y tế trường học chủ yếu là kiêm nhiệm nên nghiệp vụ chuyên sâu về xử lý các tình huống y tế khẩn cấp đôi khi còn lúng túng.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành

7.1. Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng CNTT

a. Kết quả đạt được: 100% các trường sử dụng đồng bộ phần mềm quản lý học sinh, sổ điểm điện xử, học bạ điện tử (khối tiểu học và THCS). Dữ liệu ngành được cập nhật chính xác, đồng bộ lên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDL). Giáo viên tích cực ứng dụng bài giảng điện tử, sử dụng ti vi thông minh trong giảng dạy.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Việc khai thác kho học liệu số dùng chung chưa thực sự đồng đều giữa các tổ chuyên môn.

7.2. Đẩy mạnh cải cách hành chính, dịch vụ công trực tuyến

a. Kết quả đạt được: Thực hiện tuyển sinh trực tuyến đầu cấp (Mầm non, Lớp 1, Lớp 6) đạt tỷ lệ >95%, giảm thiểu thủ tục rườm rà cho phụ huynh.

Các thủ tục hành chính, chuyển trường, cấp phát văn bằng được xử lý qua Bộ phận một cửa nhanh chóng, đúng quy định.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Một số phụ huynh lớn tuổi (ông bà ở nhà với cháu) còn gặp khó khăn khi thao tác nộp hồ sơ trực tuyến, cần sự hỗ trợ trực tiếp từ giáo viên.

8. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

a. Kết quả đạt được: Ban Giám hiệu các trường đã thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra nội bộ. UBND xã phối hợp kiểm tra định kỳ về việc quản lý các cơ sở mầm non độc lập tư thục trên địa bàn. Kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện dạy thêm, học thêm sai quy định và các khoản thu chi đầu năm học.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Lực lượng kiểm tra mỏng, chủ yếu là kiêm nhiệm nên việc giám sát đột xuất đôi khi chưa bao quát hết.

9. Việc thực hiện các phong tào thi đua giáo dục trong toàn ngành

a. Kết quả đạt được: Phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt", "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" được hưởng ứng mạnh mẽ. Nhiều giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Việc viết và áp dụng Sáng kiến kinh nghiệm (SKKN) ở một số giáo viên còn mang tính đối phó, hiệu quả ứng dụng thực tế chưa cao.

10. Công tác truyền thông giáo dục

a. Kết quả đạt được: Phối hợp tốt với Đài truyền thanh xã kịp thời đưa tin về các hoạt động nổi bật, gương người tốt việc tốt, lịch tuyển sinh, các chính sách giáo dục mới để nhân dân hiểu và đồng thuận.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Kênh truyền thông chủ yếu vẫn là loa phát thanh và trang tin của trường, chưa đa dạng hóa mạnh mẽ trên các nền tảng mạng xã hội chính thống.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả nổi bật

Giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu năm học 2025-2026.

Cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp, 8/8 trường giữ vững danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia.

Thực hiện an toàn, hiệu quả Chương trình GDPT 2018 cho các khối lớp theo đúng lộ trình của Bộ.

Công tác chuyển đổi số và tuyển sinh trực tuyến đạt kết quả cao, nhận được sự đồng thuận của nhân dân.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Áp lực tăng dân số cơ học khiến quy mô học sinh/lớp ở một số khối tiểu học quá mức trần quy định.

Tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ ở một số bộ môn đặc thù tuy đã được khắc phục nhưng chưa triệt để.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao và phương pháp đổi mới dạy học ở một vài giáo viên lớn tuổi còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là: Phải luôn có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, HĐND, UBND xã và sự hướng dẫn chuyên môn trực tiếp từ Sở GD&ĐT tỉnh Hưng Yên.

Hai là: Làm tốt công tác quy hoạch, dự báo quy mô phát triển học sinh để chủ động xây dựng kế hoạch về cơ sở vật chất và đội ngũ.

Ba là: Phát huy tối đa tinh thần dân chủ, đoàn kết nội bộ và minh bạch hóa mọi hoạt động giáo dục nhằm tạo niềm tin vững chắc trong nhân dân.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên kịp thời tuyển dụng và bổ sung chỉ tiêu biên chế giáo viên còn thiếu cho xã Đại Đồng, đặc biệt là giáo viên tiểu học. Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về phương pháp kiểm tra, đánh giá theo chương trình GDPT 2018.

Phần II: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM HỌC 2026-2027

Phát huy những kết quả đã đạt được, giáo dục xã Đại Đồng xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm cho năm học 2026-2027 như sau:

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp. Thực hiện tốt công tác đánh giá học sinh cuối cấp (lớp 9) theo quy chế mới.

Tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn. Giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.

Đẩy mạnh học tập suốt đời, quản lý và phát huy hiệu quả năng lực hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng.

2. Các giải pháp chủ yếu

Về đội ngũ: Tiếp tục rà soát, sắp xếp đội ngũ giáo viên hợp lý; tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo nâng chuẩn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. khuyến khích tinh thần tự học, tự đổi mới.

Về cơ sở vật chất: Tích cực tham mưu với các cấp quản lý đầu tư mua sắm bổ sung thiết bị dạy học hiện đại, nâng cấp phòng máy tính, phòng ngoại ngữ. Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất trong dịp hè.

Về quản lý và chuyển đổi số: Khai thác triệt để các tính năng của CSDL ngành, triển khai toàn diện học bạ số, thanh toán không dùng tiền mặt cho 100% các khoản thu trường học. Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến trong tuyển sinh đầu cấp.

Về phối hợp giáo dục: Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và phòng chống bạo lực học đường, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng VH-XH;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG THUẬN YÊN

Trần Văn Thành